TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/DS-PT
Ngày: 08-3-2022
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Cảnh;

2. Ông Đặng Văn Những.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 204/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 266/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Dương Thị B, sinh năm 1956;

1.2. Ông Lê Văn N, sinh năm 1957;

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Lê Thị V, sinh năm 1971;

2.2. Ông Đỗ Văn U, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

3. Người kháng cáo: Bà Lê Thị V và ông Đỗ Văn U.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Dương Thị B và ông Lê Văn N trình bày:

Vào năm 2013 – 2014, bà V có tham gia 08 dây hụi do bà B làm chủ hụi như sau:

Dây hụi 10.000.000 đồng, hụi mở ngày 10-6-2014 âm lịch, loại hụi mùa 01 năm mở hụi 02 lần, dây hụi gồm có 13 phần bà V tham gia 03 phần. Sau khi mở hụi, bà V đã lĩnh hụi tất cả 03 phần vào kỳ hụi thứ 01 (lĩnh hụi 02 phần 01 kỳ) và thứ 02, sau đó bà V không đóng hụi nên còn nợ số tiền 300.000.000 đồng (3 phần x 10 kỳ x 10.000.000 đồng).

Dây hụi 5.000.000 đồng, hụi mở ngày 19-02-2014 âm lịch, loại hụi 04 tháng mở hụi 01 lần, dây hụi gồm có 24 phần bà V tham gia 02 phần. Sau khi mở hụi, bà V đã lĩnh hụi tất cả 02 phần, bà V còn nợ 06 kỳ hụi chưa đóng, nên còn nợ số tiền 60.000.000 đồng (02 phần x 06 kỳ x 5.000.000 đồng).

Dây hụi 3.000.000 đồng, hụi mở ngày 15-02-2013 âm lịch, loại hụi 03 tháng mở hụi 01 lần, dây hụi gồm có 11 phần bà V tham gia 01 phần. Sau khi mở hụi, bà V đã lĩnh hụi vào kỳ hụi thứ 01, bà V còn nợ 02 kỳ hụi chưa đóng, nên còn nợ số tiền 6.000.000 đồng (01 phần x 02 kỳ x 3.000.000 đồng).

Dây hụi 2.000.000 đồng, hụi mở ngày 11-3-2014 âm lịch, loại hụi 02 tháng mở hụi 01 lần, dây hụi gồm có 13 phần bà V tham gia 01 phần. Sau khi mở hụi, bà V đã lĩnh hụi vào kỳ hụi thứ 01, bà V còn nợ 02 kỳ hụi chưa đóng, nên còn nợ số tiền 4.000.000 đồng (02 phần x 02 kỳ x 2.000.000 đồng).

Dây hụi 2.000.000 đồng, hụi mở ngày 10-7-2013 âm lịch, loại hụi 02 tháng mở hụi 01 lần, dây hụi gồm có 14 phần bà V tham gia 03 phần. Sau khi mở hụi, bà V đã lĩnh hụi tất cả 03 phần, bà V còn nợ 06 kỳ hụi chưa đóng, nên còn nợ số tiền 36.000.000 đồng (03 phần x 06 kỳ x 2.000.000 đồng).

Dây hụi 1.000.000 đồng, hụi mở ngày 10-6-2014 âm lịch, loại hụi tháng, dây hụi gồm có 34 phần bà V tham gia 04 phần. Sau khi mở hụi, bà V đã lĩnh hụi tất cả 04 phần, bà V còn nợ 05 kỳ hụi chưa đóng, nên còn nợ số tiền 20.000.000 đồng (04 phần x 05 kỳ x 1.000.000 đồng).

Dây hụi 1.000.000 đồng, hụi mở ngày 15-7-2014 âm lịch, loại hụi tháng, dây hụi gồm có 17 phần bà V tham gia 02 phần. Sau khi mở hụi, bà V đã lĩnh hụi tất cả 02 phần, bà V còn nợ 07 kỳ hụi chưa đóng, nên còn nợ số tiền 14.000.000 đồng (02 phần x 07 kỳ x 1.000.000 đồng).

Dây hụi 1.000.000 đồng, hụi mở ngày 20-11-2014 âm lịch, loại hụi tháng, dây hụi gồm có 45 phần bà V tham gia 09 phần. Sau khi mở hụi, bà V đã lĩnh

hụi 08 phần, bà V còn nợ 10 kỳ hụi chưa đóng, nên còn nợ số tiền 80.000.000 đồng (08 phần x 10 kỳ x 1.000.000 đồng).

Như vậy tổng cộng tiền hụi bà V còn nợ là 520.000.000 đồng. Bà B và ông N khởi kiện yêu cầu bà V và ông U liên đới trả tiền hụi là 520.000.000 đồng. Bà B và ông N khởi kiện ông U cùng liên đới trả nợ vì ông U là chồng của bà V.

Ý kiến của bị đơn bà Lê Thị V:

Tại phiên tòa ngày 24-12-2020, bà V thống nhất có tham gia 08 dây hụi do bà B làm chủ hụi như bà B trình bày, tuy nhiên về số phần hụi tham gia, số kỳ hụi đã lĩnh, số tiền hụi của một số dây hụi chưa đúng, cụ thể như sau:

Dây hụi 10.000.000 đồng, hụi mở ngày 10-6-2014 âm lịch, loại hụi mùa 01 năm mở hụi 02 lần, dây hụi gồm có 13 phần bà V tham gia 02 phần. Sau khi mở hụi, bà V đã lĩnh hụi vào kỳ hụi thứ 01, đến kỳ mở hụi thứ 02 bà V được lĩnh hụi nhưng bà B không giao tiền hụi vì dây hụi này bể hụi (ngừng hụi). Bà V đồng ý trả tiền hụi đối với 01 phần hụi đã lĩnh nhưng đề nghị khấu trừ 03 phần vì bà V đã tự trả cho 03 hụi viên khác.

Dây hụi 5.000.000 đồng, hụi mở ngày 19-02-2014 âm lịch, thống nhất còn nợ 06 kỳ hụi với số tiền là 60.000.000 đồng nhưng đề nghị khấu trừ 02 phần vì bà V đã tự trả cho hụi viên khác.

Dây hụi 3.000.000 đồng, hụi mở ngày 15-02-2013 âm lịch, thống nhất còn nợ 02 kỳ hụi với số tiền là 6.000.000 đồng.

Dây hụi 2.000.000 đồng, hụi mở ngày 11-3-2014 âm lịch, thống nhất còn nợ 02 kỳ hụi với số tiền là 4.000.000 đồng.

Dây hụi 2.000.000 đồng, hụi mở ngày 10-7-2013 âm lịch, loại hụi 02 tháng mở hụi 01 lần, dây hụi gồm có 14 phần bà V tham gia 01 phần. Sau khi mở hụi, bà V đã lĩnh hụi, bà V còn nợ 06 kỳ hụi với số tiền là 12.000.000 đồng.

Dây hụi 1.000.000 đồng, hụi mở ngày 10-6-2014 âm lịch, thống nhất còn nợ 05 kỳ hụi với số tiền là 20.000.000 đồng.

Dây hụi 1.000.000 đồng, hụi mở ngày 15-7-2014 âm lịch, thống nhất còn nợ 07 kỳ hụi với số tiền là 14.000.000 đồng.

Dây hụi 1.000.000 đồng, hụi mở ngày 20-11-2014 âm lịch, loại hụi tháng, dây hụi gồm có 45 phần bà V tham gia 08 phần. Sau khi mở hụi, bà V đã lĩnh hụi 07 phần, bà V còn nợ 10 kỳ hụi chưa đóng, đồng ý trả tiền hụi đã đóng là 42.000.000 đồng (07 phần x 10 kỳ x 600.000 đồng).

Bà V đồng ý trả tiền hụi còn nợ cho bà B và ông N theo như trình bày nêu trên, đề nghị Hội đồng xem xét khấu trừ các phần hụi bà V đã trả cho các hụi viên khác.

Ý kiến của bị đơn ông Đỗ Văn U:

Tại phiên tòa ngày 24-12-2020, ông U không thừa nhận cùng bà V tham gia hụi do bà B và ông N làm chủ hụi nhưng đồng ý liên đới cùng bà V trả nợ nếu các khoản nợ hụi có căn cứ.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Mộc Hóa đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 290, 298, 305 và 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 288, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B và ông Lê Văn N đối với bà Lê Thị V và ông Đỗ Văn U.

Buộc ông Đỗ Văn U và bà Lê Thị V liên đới trả cho bà Dương Thị B và ông Lê Văn N số tiền là 304.485.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B và ông Lê Văn N, về việc yêu cầu bà Lê Thị V và ông Đỗ Văn U liên đới trả số tiền hụi là 215.515.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ Văn U và bà Lê Thị V có nghĩa vụ liên đới chịu án phí là 15.224.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn về quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 21/5/2021, bà Lê Thị V và ông Đỗ Văn U kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm. Bà V và ông U chỉ đồng ý trả cho bà B và ông N số tiền 178.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng là 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút kháng cáo; các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bà V giao nộp bổ sung tờ Biên nhận ngày 07/02/2018 của bà Dương Thị B; tờ Biên nhận của bà Nguyễn Thị M và tờ Biên nhận hụi của bà Bùi Thị M1.

Bà B thừa nhận chữ ký và chữ viết trên Biên nhận ngày 07/02/2018 là của bà và thừa nhận ngày 07/02/2018 bà B có nhận 30.000.000 đồng tiền hụi của bà V; còn việc bà Nguyễn Thị M, bà Bùi Thị M1 là hụi viên tham gia góp hụi do bà B làm chủ thảo có nhận tiền hụi của bà V hay không thì bà B không biết.

Bà Nguyễn Thị M và bà Bùi Thị M1 thừa nhận chữ viết, chữ ký và nội dung tại tờ biên nhận hụi do bà V giao nộp cho Tòa án là do hai bà viết và ký tên. Bà M thừa nhận có tham gia một phần hụi 10.000.000 đồng do bà B làm chủ thảo, hụi mở ngày 10/6/2014; hụi bỏ 4.200.000 đồng; bà V lĩnh hụi đầu thì bể hụi và bà V có trả lại cho bà M số tiền hụi gốc là 4.200.000 đồng. Bà M xác định không yêu cầu bà V phải trả tiền lãi hụi đã góp.

Bà Bùi Thị M1 thừa nhận có tham gia một phần hụi 10.000.000 đồng do bà B làm chủ thảo, hụi mở ngày 10/6/2014; hụi bỏ 4.200.000 đồng; bà V lĩnh hụi đầu thì bể hụi và bà V có trả lại cho bà M1 số tiền hụi chết là 10.000.000 đồng và bà M1 tham gia một phần hụi 5.000.000 đồng do bà B làm chủ thảo, hụi mở ngày 19/02/2014; bà V lĩnh hụi đầu thì bể hụi và bà V có trả lại cho bà M1 số tiền hụi gốc là 20.000.000 đồng. Bà M1 xác định không yêu cầu bà V phải trả tiền lãi hụi đã góp.

Bà B thừa nhận bà M và bà M1 là hụi viên do bà B làm chủ thảo và có tham gia các phần hụi như hai bà trình bày.

Bà V cho rằng đối với dây hụi 10.000.000 đồng mở ngày 10/6/2014, có 11 hụi viên, bà V tham gia một phần và lĩnh hụi đầu; hụi bỏ 5.800.000 đồng; các hụi viên góp 4.200.000 đồng; tổng cộng số tiền bà V lĩnh là 42.000.000 đồng, trừ tiền thảo cho bà B là 3.000.000 đồng nên bà V thực nhận là 39.000.000 đồng. Bà V đồng ý trả lại cho các hụi viên tiền hụi gốc là 42.000.000 đồng, nhưng đề nghị khấu trừ số tiền 14.200.000 đồng mà bà M và bà M1 đã nhận vào số tiền nợ hụi nên bà V chỉ trả cho bà B tiền hụi gốc là 27.800.000 đồng; bà V không đồng ý trả lãi vì các hụi viên không có yêu cầu.

Đối với dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 19/02/2014, bà V đề nghị khấu trừ số tiền 20.000.000 đồng mà bà M1 đã nhận vào số tiền nợ hụi của dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 19/02/2014, nên bà V chỉ trả lại cho bà B tiền hụi gốc là 58.000.000 đồng và đồng ý trả lãi như bản án sơ thẩm.

Đối với dây hụi 1.000.000 đồng ngày 20/11/2014, bà V đồng ý trả cho bà B số tiền hụi gốc là 42.000.000 đồng như bản án sơ thẩm nhưng không đồng ý trả lãi do các hụi viên không yêu cầu.

Bà V đề nghị Tòa án cấn trừ số tiền 30.000.000 đồng vào số tiền nợ hụi còn thiếu của bà B. Ông U thống nhất theo ý kiến của bà V và đồng ý cùng bà V liên đới trả các khoản nợ hụi bà V còn thiếu bà B.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

Về yêu cầu kháng cáo: Bà B thừa nhận có nhận tiền trả nợ hụi của bà V 30.000.000 đồng; bà M, bà M1 là hụi viên có nhận tiền hụi do bà V trực tiếp trả của dây hụi 10.000.000 đồng ngày 10/6/2014 và dây hụi 5.000.000 đồng ngày 19/02/2014 nên đề nghị Hội đồng xét xử cấn trừ số tiền bà B, bà M, bà M1 đã nhận của bà V vào số tiền nợ hụi gốc.

Bà V có nghĩa vụ trả tiền lãi trên số tiền hụi gốc mà bà V đã lĩnh của dây hụi 10.000.000 đồng ngày 10/6/2014 và dây hụi 1.000.000 đồng ngày 20/11/2014 do không có chứng cứ chứng minh các hụi viên đều không có yêu cầu trả lãi hụi.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà V; căn cứ theo khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn làm đúng thủ tục và nộp trong thời hạn theo Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án được xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

[3] Về thủ tục tố tụng: Ông Đỗ Văn U vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ. Căn cứ theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn thấy rằng:

[4.1] Đối với dây hụi 10.000.000 đồng mở ngày 10/6/2014: Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 06/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa thì bà B và bà V đều

thừa nhận bà V tham gia 02 phần hụi và đã lĩnh 52.000.000 đồng thì bể hụi nhưng bà V cho rằng có đóng lại một phần hụi chết nhưng không có chứng cứ chứng minh và bà B cũng không thừa nhận nên có căn cứ xác định bà V còn nợ tiền hụi gốc do bà B làm chủ thảo là 52.000.000 đồng; bà V đã trả cho các hụi viên là bà Nguyễn Thị M và bà Bùi Thị M1 số tiền hụi gốc tổng cộng là 14.200.000 đồng nên được khấu trừ vào số tiền 52.000.000 đồng. Bà V chỉ trả cho bà B tiền hụi gốc là 37.800.000 đồng và trả tiền lãi tính từ đầu tháng 4/2015 đến hết tháng 3/2021, cụ thể như sau:

- Từ tháng 04/2015 đến hết tháng 12/2016, tổng cộng 21 tháng, tiền lãi được tính theo quy định tại Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005 là: 37.800.000 đồng x 9%/năm x 150% x 21 tháng = 8.930.250 đồng.

- Từ tháng 01/2017 đến hết tháng 03/2021, tổng cộng 51 tháng, tiền lãi được tính theo quy định tại Điều 357 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là: 37.800.000 đồng x 20%/năm x 51 tháng = 32.130.000 đồng.

Số tiền lãi chậm trả phát sinh tổng cộng là 41.060.250 đồng, nhưng ngày 07/02/2018 bà V đã trả cho bà B được 30.000.000 đồng nên được khấu trừ vào số tiền lãi phát sinh. Bà V phải trả cho bà B tiền lãi là 11.060.250 đồng.

Như vậy, tổng cộng tiền hụi gốc và tiền lãi chậm trả là 48.860.250 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[4.2] Đối với dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 19/02/2014, bà V đồng ý trả cho bà B số tiền hụi gốc là 60.000.000 đồng, nhưng bà V đã trả cho bà M1 20.000.000 đồng tiền hụi gốc nên khấu trừ số tiền này vào số tiền 60.000.000 đồng. Bà V chỉ trả lại cho bà B tiền hụi gốc là 40.000.000 đồng là phù hợp.

[4.3] Đối với dây hụi 1.000.000 đồng ngày 20/11/2014, bà V đồng ý trả cho bà B số tiền hụi gốc là 42.000.000 đồng như bản án sơ thẩm nhưng không đồng ý trả lãi do các hụi viên không yêu cầu, nhưng bà V không có chứng cứ chứng minh việc các hụi viên đều không có yêu cầu trả lãi nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà V trả lãi là phù hợp.

[5] Bị đơn kháng cáo đề nghị xin trả dần tiền nợ hụi mỗi tháng là 10.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận đề nghị trả nợ dần của bị đơn.

[6] Từ phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn; đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở. Bà V không phải chịu án phí phúc thẩm; điều chỉnh lại nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Những nội dung khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị V, ông Đỗ Văn U.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 290, 298, 305 và 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 288, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B và ông Lê Văn N đối với bà Lê Thị V và ông Đỗ Văn U.

Buộc ông Đỗ Văn U và bà Lê Thị V liên đới trả cho bà Dương Thị B và ông Lê Văn N số tiền là 224.860.250 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ Văn U và bà Lê Thị V có nghĩa vụ liên đới nộp án phí là 11.243.013 đồng.

Bà Dương Thị B và ông Lê Văn N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Văn U và bà Lê Thị V không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho ông U, bà V mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0000252 và số 0000253, cùng ngày 21/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Văn Cảnh	**Đặng Văn Những**	**Nguyễn Văn Phương**